

Bản án số: 06/2022/DS-PT
Ngày: 24 - 01 - 2022
“*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Văn Chất.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hồng Vân và bà Nguyễn Thị Thu Từ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Bá S, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Bá Ng, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 6, xã Q1, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bà Trần Thị Kh, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 5, xã Q2, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bà Trần Thị Q, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Anh Trần Bá Ph, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Bá S trình bày:

Bố anh là ông Trần Bá C, sinh năm 1937, chết năm 1996. Mẹ anh là bà Vũ Thị M, sinh năm 1936, chết năm 2018. Bố mẹ anh không có con nuôi, không ai có con riêng.

Bố mẹ anh sinh được 08 người con là: Chị Trần Liên, chị Trần Thị Kh, chị Trần Thị Q, anh Trần Bá Ng, chị Trần Thị Đ, anh Trần Bá Ph, chị Trần Thị H và anh (Trần Bá S). Bố anh chết không để lại di chúc. Trước khi mẹ anh chết có để lại di chúc. Di chúc lập ngày 22/8/2016, khi đó bà M còn minh mẫn, sáng suốt và đã được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Cầu Giát. Anh và chị Trần Thị H cùng nhau trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng bố, mẹ khi đau ốm.

Ông C, bà M có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo bản đồ 299 là thửa 508, tờ bản đồ số 3, diện tích 1100 m²; theo Bản đồ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430 m² (trong đó 200 m² đất ở và 1230 m² đất vườn); theo bản đồ số là thửa số 29, tờ bản đồ số 21, diện tích 1424,6 m²; theo số đo thực tế là 1388,5 m². Địa chỉ thửa đất: Xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 878090 ngày 20/12/1996 mang tên Trần Bá C. Ngoài ra không có thêm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào khác. Hiện nay tài sản trên đất của bố mẹ anh để lại có 01 nhà cấp bốn đã cũ, 01 cây trứng gà, 01 cây khế. Và 01 nhà cấp bốn 02 gian lợp ngói, nhà vệ sinh mái bằng, bể cạn, giếng nước, 04 cây na đã có quả, 04 cây bưởi đã có quả; 02 cây mít chưa có quả; 20 cây chuối có buồng là của anh.

Anh yêu cầu xin được nhận ½ diện tích đất theo di chúc của mẹ anh là bà Vũ Thị M để lại; còn phần đất của bố anh ông Trần Bá C thì chia thừa kế theo pháp luật cho 08 người con của ông, bà; anh yêu cầu nhận một phần. Phần của chị Trần Thị L, chị Trần Thị Kh, chị Trần Thị Q cho anh thì anh xin nhận. Anh không yêu cầu chia di sản là nhà, cây khế, cây trứng gà của bố mẹ để lại. Về tiền phúng viếng, tiền công tôn tạo bảo quản di sản thừa kế, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Bá Ng trình bày:

Anh thống nhất như trình bày trên của anh Trần Bá S về họ, tên bố mẹ, những người con chung của ông C, bà M (gồm 08 người và hiện nay đều còn sống, ông C bà M không có con nuôi, con riêng). Anh thống nhất di sản thừa kế của bố mẹ để lại là quyền sử dụng đất thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430 m² tại xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, 01 ngôi nhà cấp bốn đã

cũ, 01 cây trứng gà và 01 cây khế. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Bá C. Ngoài ra không có thêm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào khác. Toàn bộ di sản hiện nay do anh Trần Bá S và chị Trần Thị H quản lý, sử dụng. Nay anh S yêu cầu chia di sản thừa kế như trên, anh có ý kiến là: Đối với di chúc của bà M để lại anh còn băn khoăn, vì chị Trần Thị H là con gái, không đi lấy chồng ở vậy chăm sóc bố mẹ mà không được bà M cho phần nào. Nhưng nếu bà M đã cho anh S một nửa thửa đất thì anh thống nhất để cho anh S sử dụng. Phần đất của ông C thì anh yêu chia một phần làm nhà thờ cúng, phần còn lại cho chị Trần Thị H sử dụng. Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo quy định pháp luật, thì phần của anh được nhận, anh xin giao cho chị H được quyền sử dụng và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Trần Thị H; anh không nhận lại giá trị bằng tiền từ chị H.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, chị Trần Thị Kh, chị Trần Thị Q, chị Trần Thị Đ, anh Trần Bá Ph đều thống nhất trình bày:

Về ngày, tháng, năm sinh, năm mất của ông Trần Bá C, bà Vũ Thị M cũng như các con chung của ông C, bà M như nguyên đơn anh S trình bày là chính xác, nay không ai bổ sung gì. Các chị em đều thống nhất về di sản thừa kế của ông C, bà M để lại là quyền sử dụng đất thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430 m² tại xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 878090 ngày 20/12/1996 mang tên Trần Bá C. Ngoài ra thì không có thêm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào khác. Về di chúc của bà M để lại cho anh S thì chị em đều biết và thống nhất như nguyện vọng của bà M cho anh S. Đối với phần di sản của ông C thì chị em đều thống nhất chia theo pháp luật. Phần của chị Trần Thị Đ và anh Trần Bá Ph được nhận thì xin giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng; không ai yêu cầu trích trả lại giá trị bằng tiền. Phần của bà Trần Thị L, chị Trần Thị Kh và chị Trần Thị Q được nhận, xin giao lại cho anh S được quyền sử dụng; không ai yêu cầu trích trả lại giá trị bằng tiền. Chị em đều thống nhất không chia tài sản là ngôi nhà cấp bốn 04 gian, 01 cây khế và 01 cây trứng gà là sản của ông C, bà M để lại; không ai yêu cầu giải quyết về tiền phúng viếng, tiền công sức đóng góp trên thửa đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H trình bày:

Chị thống nhất như các ý kiến trên của 07 chị em. Bố mẹ chị là ông C, bà M chết có để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430 m² tại xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; 01 ngôi nhà cấp bốn 04 gian đã cũ, 01 cây khế và 01 cây trứng gà. Chị nhất trí với bản di chúc của bà M để lại và đồng ý chia phần đất của bà M cho anh S sử dụng. Phần đất của ông C thì chị yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Chị xin nhận phần của chị bằng hiện vật. Phần của anh Nghị, anh Ph và chị Đ cho chị thì chị xin nhận. Chị không yêu cầu chia di sản là ngôi nhà cấp bốn 04 gian, 01 cây khế và 01 cây trứng gà là di sản của bố mẹ để lại; không yêu cầu công sức bảo quản thửa đất và tiền phúng viếng bố mẹ.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 7 của ông Trần Bá C, bà Vũ Thị M tại xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có diện tích 1430 m². Diện tích đo thực tế là 1388,5 m²; tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường xóm, dài 37,94m + 3,76m + 4,66m; phía Nam giáp thửa đất 39 (của ông Đậu Đức Trung) và thửa đất 120 (của bà Nguyễn Thị Mai), dài 19,38m + 23,36m; phía Đông giáp đường xóm, dài 29,17m; phía Tây giáp đường xóm, dài 30,28m. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 04, bốn gian lợp ngói, xây năm 1979 đã cũ, không còn giá trị sử dụng, diện tích 56,65m²; 01 nhà cấp bốn lợp ngói 02 gian, xây năm 2009, diện tích 8,68m²; nhà vệ sinh mái bằng, diện tích 13,5m²; bể cạnh thành xây gạch 12,6m³; giếng nước, đường kính 2m (3 công); 01 cây khế đường kính 15cm; 01 cây trứng gà; 04 cây na đã có quả; 04 cây bưởi đã có quả; 02 cây mít chưa có quả; 20 cây chuối có buồng. Toàn bộ tài sản trên đất và cây cối đều nằm trên phần đất phía Bắc thửa đất.

Đối với các tài sản trên đất, các đương sự đều không yêu cầu định giá, phân chia; tài sản nằm trên phần đất của ai được chia thì người đó được quyền sử dụng. Vì vậy Hội đồng định giá không tiến hành định giá đối với các tài sản này.

Đối với diện tích đất ở, đất vườn, được Hội đồng định giá theo giá thị trường tại địa phương. Đất ở: 2.000.000 đồng/m² x 200 m² = 400.000.000 đồng. Đất vườn: 1.000.000 đồng/m² x 1188,5 m² = 1.188.500.000 đồng. Tổng diện tích đất có giá trị 1.588.500.000 đồng (một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Thửa đất có ranh giới sử dụng ổn định, hình thể thửa đất không thay đổi và không có tranh chấp với các hộ liên kề. Thửa đất có sự khác nhau về số liệu diện tích qua các bản đồ là do sai số đo đạc.

Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã quyết định: căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; căn cứ vào các Điều 611, 612, 623, 624, 628, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 95, 99 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bá S, về việc chia di sản của ông Trần Bá C và bà Vũ Thị M là quyền sử dụng đất thửa số 508, tờ bản đồ số 3, diện tích 1100m² (theo bản đồ 299); theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430m² (trong đó 200m² đất ở, và 1230m² đất vườn); nay là thửa số 29, tờ bản đồ số 21, diện tích thực tế 1388,5m² (trong đó 200m² đất ở và đất vườn 1188,5m²), có giá trị 1.588.500.000 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Di sản được chia theo di chúc (đối với phần của bà Vũ Thị M) và theo pháp luật (đối với phần của ông Trần Bá C); phần chia cụ thể như sau:

- Giao cho anh Trần Bá S được quyền sử dụng 1041,7 m² (trong đó đất ở 150m² và đất vườn 891,37m²) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21, tại Xóm 3 (Xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đường xóm dài 46,27m (có các cạnh 37.94m + 3,67m + 4,66m);

+ Phía Nam giáp phần đất của chị Trần Thị H được nhận dài 43,16m;

+ Phía Tây giáp đường xóm dài 21,97m;

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 20.92m.

- Giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng 347,12m² (trong đó đất ở 50m² và đất vườn 297,13m²), thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21, tại Xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp phần đất của anh Trần Bá S được nhận dài 43,16m;

+ Phía Nam giáp thửa 39 (của ông Đậu Đức Trung) và thửa 120 (của bà Nguyễn Thị Mai) dài 42,74m;

+ Phía Đông giáp đường xóm dài 8,25m;

+ Phía Tây giáp đường xóm dài 8,31m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và về quyền kháng cáo.

Ngày 22/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1948/KNPT-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, với nhận định: quyết định của bản án sơ thẩm chưa đầy đủ; giải quyết phần án phí dân sự sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục kháng nghị: Kháng nghị của VKS Nghệ An ban hành trong hạn luật định nên hợp lệ.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung vụ án:

Nguyên đơn anh Trần Bá S khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật là thửa đất số 508, tờ bản đồ số 3, diện tích 1100 m² (theo bản đồ 299); theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430 m²; địa chỉ thửa đất: Xóm 3 (Xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 878090 ngày 20/12/1996 mang tên ông Trần Bá C, sinh năm 1937; nay là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21 diện tích thực tế 1388,5 m². Anh S không yêu cầu chia di sản là nhà, cây khế, cây trứng gà của bố mẹ để lại. Về tiền phúng viếng, tiền công tôn tạo bảo quản di sản thừa kế, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế, giao cho anh Trần Bá S được quyền sử dụng 1041,37 m² (trong đó đất ở 150 m² và đất vườn 891,37 m²), giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng 347,12 m² (trong đó đất ở 50 m², đất vườn 297,12 m²) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21, tại Xóm 3 (Xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định của bản án quyết định thửa đất tranh chấp được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cá nhân, tổ chức nào là chưa đầy đủ; giải quyết án phí dân sự sơ thẩm không đúng quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bá S phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất của ông C, bà M để lại theo di chúc và theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Theo đó ½ di sản của bà M tương ứng với 694,25 m² đất chia cho anh Trần Bá S theo di chúc; ½ di sản thừa kế của ông C 694,25 m² chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 86,78 m², trị giá 99.281.250 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị Đ, anh Ph, anh Nghị đều đề nghị nếu được chia thì kỹ phần của họ được hưởng giao cho chị Hương; bà L, chị Khuyên, chị Q cũng đề nghị nếu được hưởng thì giao kỹ phần của họ cho anh S.

Về nghĩa vụ chịu án phí đối với kỹ phần thừa kế mà mỗi đồng thừa kế được nhận Hội đồng xét xử thấy rằng: anh Trần Bá S, chị Trần Thị H là hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí; bà Trần Thị Liên là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh S, chị H, bà L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Khuyên, chị Q, anh Nghị, chị Đ, anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không hỏi ý kiến của chị Khuyên, chị Q, anh Nghị, chị Đ, anh Ph về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng giao cho anh S, chị H, nhưng bản án sơ thẩm nhận định và quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh S, chị H đối với kỷ phần của chị Đ, anh Ph, anh Nghị, chị Khuyên, chị Q giao cho là không đúng quy định pháp luật. Đối với kỷ phần của bà L cho anh S, vì bà L được miễn án phí nên anh S không phải chịu phần án phí sơ thẩm của kỷ phần bà L cho anh.

Ngoài ra, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Kh là hộ cận nghèo, hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà Định và bà Kh chưa có đơn yêu cầu miễn giảm án phí, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà Định, bà Kh có đơn xin miễn giảm án phí nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong phần nhận định của bản án về thừa đất tranh chấp hiện đang được cấp cho cá nhân hay tổ chức.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Sửa bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; căn cứ vào các Điều 611, 612, 623, 624, 628, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 95, 99 và Điều 167 Luật đất đai năm 2013; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Bá S, về việc chia di sản của ông Trần Bá C và bà Vũ Thị M là quyền sử dụng đất thừa số 508, tờ bản đồ số 3, diện tích 1100 m² (theo bản đồ 299); theo bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 8, tờ bản đồ số 7, diện tích 1430 m² (trong đó 200 m² đất ở, và 1230 m² đất vườn), địa chỉ thửa đất: Xóm 3 (Xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số I 878090 ngày 20/12/1996 mang tên ông Trần Bá C, sinh năm 1937; nay là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21 diện tích thực tế 1388,5 m² (trong đó 200 m² đất ở và đất vườn 1188,5 m²), địa chỉ thửa đất: Xóm 3 (Xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, giá trị thửa đất là 1.588.500.000 đồng (một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Di sản được chia theo di chúc (đối với phần của bà Vũ Thị M) và theo pháp luật (đối với phần của ông Trần Bá C); phần chia cụ thể như sau:

- Giao cho anh Trần Bá S được quyền sử dụng 1041,37 m² (trong đó đất ở 150m² và đất vườn 891,37m²) thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21, tại Xóm 3 (Xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có tứ cận:

- + Phía Bắc giáp đường xóm dài 46,27 m (có các cạnh 37,94 m + 3,67 m + 4,66 m);

- + Phía Nam giáp phần đất của chị Trần Thị H được nhận, dài 43,16 m;

- + Phía Tây giáp đường xóm dài 21,97 m;

- + Phía Đông giáp đường xóm dài 20,92 m.

- Giao cho chị Trần Thị H được quyền sử dụng 347,12 m² (trong đó đất ở 50 m² và đất vườn 297,12 m²), thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 21, tại Xóm 3 (xóm 7 cũ), xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có tứ cận:

- + Phía Bắc giáp phần đất của anh Trần Bá S được nhận, dài 43,16 m;

- + Phía Nam giáp thửa 39 (của ông Đậu Đức Trung) và thửa 120 (của bà Nguyễn Thị Mai) dài 42,74 m;

- + Phía Đông giáp đường xóm dài 8,25 m;

- + Phía Tây giáp đường xóm dài 8,31 m.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: căn cứ Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Trần Bá S phải chịu 4.964.000 đồng (bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng); buộc chị Trần Thị H phải chịu 9.928.000 đồng (chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS h. Q;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Văn Chắt